TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS–ST

Ngày: 16-3-2023

V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Thị Duyên

- Ông Nguyễn Văn Khoa

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2022/TLST – DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST–DS ngày 08/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐ-HPT ngày 28/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1982. Nơi trú tại: số 77/1 ấp A H xã A N, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1959. Nơi trú tại: số 103/2 ấp G HB, xã GT, huyên P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Vào ngày 21/01/2020 do có quen biết nên ông N có hỏi bà L vay 620.000.000 đồng để về làm ăn, thời hạn vay 06 tháng (ngày 21/7/2020 trả nợ) và không có lãi suất. Các bên có lập một hợp đồng vay tiền ngày 21 tháng 01 năm 2020 tại Văn phòng công chứng Đồng Khởi. Sau đó ông N không trả tiền vay đúng như thỏa thuận trong hợp đồng vay, mặc dù bà L đã nhiều lần đến nhà yêu cầu ông N trả nợ nhưng vẫn không trả nên đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L.

Do tại Hợp đồng vay tiền việt nam đồng lập ngày 21/01/2020 người vay tiền (Bên vay) là ông Nguyễn Văn N chứ không có bà Hồ Thị L, sinh năm 1963 và do khi bà L cho ông N vay tiền cũng không có nói cho bà L biết việc ông N vay tiền của bà L và bà L cũng không chứng minh được ông N vay tiền bà L để sử dụng chung cho mục đích gia đình của ông N, bà L. Từ lý do này nên bà L xin rút phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà Hồ Thị L, sinh năm 1963. Nơi cư trú: số 103/2 ấp GH B, xã G T, huyện P, tỉnh Bến Tre, không yêu cầu bà L cùng nghĩa vụ liên đới với ông N trả tiền vay cho bà L theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2022.

Bà L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ gốc là 620.000.000 đồng, lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến ngày giải quyết xong vụ án với lãi suất là 0.83%/tháng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N vắng mặt, không nêu ý kiến phản đối và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Nguyễn Văn N hiện đang đăng ký hộ khẩu tại số 103/2 ấp Giao Hòa B, xã Giao Thạnh, huyên P, tỉnh Bến Tre, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn Nguyễn Văn N đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án: Bà L yêu cầu ông N có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ gốc là 620.000.000 đồng, lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến ngày giải quyết xong vụ án với lãi suất là 0.83%/tháng. Đây là tài sản riêng của bà L.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Xét thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn N được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và hợp đồng được chứng nhận tại Văn phòng công chứng Đồng Khởi vào ngày 21/01/2020 được xem là hợp đồng hợp pháp. Bị đơn Nguyễn Văn N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án gồm thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N vắng mặt, không nêu ý kiến phản đối và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác. Do đó có cơ sở

xác định hiện nay ông Nguyễn Văn N còn nợ bà Lê Thị L số tiền 620.000.000 đồng. Lẽ đó việc Bà Lê Thị L yêu cầu ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 620.000.000 đồng, lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án ngày 05/10/2022 cho đến ngày giải quyết xong vụ án ngày 16/3/2023 là 5 tháng 11 ngày, với lãi suất là 0.83%/tháng (620.000.000đ x 0,83%/tháng x 5 tháng, 11 ngày) với số tiền lãi 27.616.866 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng số tiền gốc và lãi ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị L là 647.616.866 (trong đó nợ gốc 620.000.000 đồng, lãi 27.616.866 đồng).

[6] Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 20.000.000 đồng + 4% x 247.616.866 đồng = 29.904.675 đồng.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266, 277, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị L số tiền nợ gốc và lãi 647.616.866 (Sáu trăm bốn mươi bảy triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, tám trăm sáu mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ chịu án phí là 29.904.675 (Hai mươi chín triệu, chín trăm lẻ bốn nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm) đồng .

Bà Lê Thị L được Chi Cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.400.000 (Mười bốn triệu, bốn trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007439 ngày 04 tháng 10 năm 2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khoa-Trần Thanh Hùng **Nguyễn Thị Tơ**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒ**

Nguyễn Thị Mơ-Nguyễn Văn Chót **Trần Thị Vân**